TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 208/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-4-2018
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Dương Văn Trí
2. Ông Nguyễn Đức Duy

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phục, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh TG xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2018/TB-TLVA ngày 08 tháng 01 năm 2018 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Hoàng P, sinh năm 1982
Địa chỉ: số 549 tổ 14, ấp PH, xã PT, thành phố MT, tỉnh TG.

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị Ánh V, sinh năm 1988
Địa chỉ: ấp TĐ, xã TCN, huyện CT, tỉnh TG.

(anh P có mặt, chị V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản khai ngày 19 tháng 12 năm 2017 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Hoàng P trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Ánh V tổ chức lễ cưới và tự nguyện chung sống từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, thành phố MT, tỉnh TG. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do chị V ghen tuông thái quá, anh đi dự tiệc hoặc đi công việc bên ngoài là vợ chồng cự cãi nhau, có lần chị V dùng những lời lẽ thô tục, nặng nề chửi mắng anh trước mặt người khác. Đến tháng 8/2017, chị V tự ý về nhà cha mẹ ruột chị V ở luôn và vợ chồng anh chị sống ly thân với

nhau từ đó đến nay. Nay, anh nhận thấy không còn tình cảm với chị V nên yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với chị V.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

* Đối với bị đơn chị Trần Thị Ánh V: Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Hoàng P.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Hoàng P vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với chị V, không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau:

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật, riêng bị đơn đã không tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn chị Trần Thị Ánh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày như sau: Anh Trần Hoàng P và chị Trần Thị Ánh V tổ chức lễ cưới và tự nguyện chung sống vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã PT, thành phố MT, tỉnh TG cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13/2009 quyển số 01 ngày 13/4/2009. Anh P và chị V chung sống không có con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh P và chị V chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do chị V ghen tuông thái quá, anh đi dự tiệc hoặc đi công việc ở bên ngoài là vợ chồng cự cãi nhau, có lần chị V dùng những lời lẽ thô tục, nặng nề chửi mắng anh P trước mặt người khác. Đến tháng 8/2017, chị V tự ý về nhà cha mẹ ruột chị V ở luôn và vợ chồng anh P, chị V sống ly thân với nhau từ đó đến nay. Lời trình bày của nguyên đơn là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị đơn cũng không có ý kiến phản đối đối với ý kiến trình bày của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết nguyên đơn trình bày là sự thật.

[2.2] Xét yêu cầu của các đương sự:

[2.2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh P và chị V có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định, căn cứ vào các Điều 9 và 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Hoàng P và chị Trần Thị Ánh V là hợp pháp. Xét thấy, giữa anh P và chị V đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, thời gian sống ly thân đã lâu. Mặc dù chị Trần Thị Ánh V đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng chị V cũng không đến để tham gia hòa giải đoàn tụ. Anh P và chị V không còn tình nghĩa vợ chồng thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc và giúp đỡ nhau theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh P.

[2.2.2] Về con chung: Anh Trần Hoàng P và chị Trần Thị Ánh V không có con chung.

[2.2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh Trần Hoàng P phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Hoàng P.

- Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Hoàng P được ly hôn với chị Trần Thị Ánh V.

- Về con chung: không có.

- Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Anh Trần Hoàng P phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Trần Hoàng P đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 26820 ngày 08/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, TG nên xem như nộp xong án phí.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND HCT;
- THADS HCT;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huỳnh Trúc